

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 25 tháng 02 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 8 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1598/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bạc Liêu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 109/TTr-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra số 36/BC-HĐND ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, Kỳ họp thứ 8 (chuyên đề) đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung chủ yếu như Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và triển khai thực hiện theo đúng quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, Kỳ họp thứ 8 (chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 02 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thiều

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục

**Nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND
ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)*

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

1. Phạm vi, ranh giới Quy hoạch gồm toàn bộ phần lãnh thổ đất liền tỉnh Cà Mau và phần không gian biển được xác định theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ).

2. Tỉnh Cà Mau có tọa độ địa lý từ 8⁰30' - 9⁰38' vĩ độ Bắc và 104⁰32' - 105⁰52' kinh độ Đông. Ranh giới: Phía Bắc giáp tỉnh An Giang; phía Đông Bắc giáp thành phố Cần Thơ; phía Đông và Đông Nam giáp biển Đông; phía Tây giáp biển Tây.

**II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, TẦM NHÌN VÀ CÁC NHIỆM VỤ
TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN**

1. Các quan điểm phát triển

a) Phát triển tỉnh Cà Mau phù hợp với chủ trương, đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, các chiến lược quốc gia, các quy hoạch cấp quốc gia, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Chủ động nắm bắt các cơ hội, phát huy tối đa tiềm năng khác biệt và lợi thế nổi trội về địa kinh tế, địa chiến lược của tỉnh duy nhất cả nước có 3 mặt tiếp giáp biển, địa đầu cực Nam của Tổ quốc, tiền tiêu đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh biển đảo, để phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

b) Phát triển tỉnh Cà Mau dựa trên các trụ cột mà Trung ương và Đảng bộ tỉnh đã xác định; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh làm đột phá trong mô hình tăng trưởng mới, làm động lực then chốt của tăng trưởng; tập trung đầu tư đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng hướng

đến phát triển mạnh mẽ kinh tế biển, trung tâm kinh tế biển phía Nam, cửa ngõ phía Tây Nam của quốc gia; gắn phát triển của tỉnh với vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cả nước và khu vực và quốc tế.

c) Sắp xếp, tổ chức không gian và liên kết các hoạt động kinh tế - xã hội đảm bảo tính kế thừa các định hướng đã được phê duyệt trong quy hoạch tỉnh của Cà Mau và Bạc Liêu trước đây; đồng thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với không gian mới sau hợp nhất tỉnh, hướng đến phát triển đa cực, đa trung tâm, liên kết chức năng giữa các hành lang kinh tế - trục động lực - cực tăng trưởng, để tăng cường kết nối nội tỉnh với bên ngoài; xây dựng không gian phát triển hướng biển, hài hòa giữa đô thị và nông thôn, giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên.

d) Tập trung huy động, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển; cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; phát huy tối đa nhân tố con người, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và thu hút, trọng dụng nhân tài, coi đây là thành tố quyết định của mô hình tăng trưởng mới dựa vào khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

đ) Phát triển hài hòa, toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội; lấy giá trị văn hóa và con người làm nền tảng, làm trung tâm cho phát triển; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa gắn với bảo tồn các giá trị di sản, lịch sử; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội và giảm nghèo bền vững. Khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững các loại tài nguyên thiên nhiên, không đánh đổi môi trường và quốc phòng - an ninh lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần; bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

e) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển đảo, chủ động phòng ngừa và xử lý hiệu quả từ sớm, từ xa các vấn đề an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống. Phát huy sức mạnh của Nhân dân, khối đại đoàn kết toàn dân tộc và thế trận lòng dân, xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh vững chắc. Đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả hợp tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Phát huy tiềm năng, lợi thế, nguồn lực để phát triển nhanh, toàn diện và bền vững, gắn với tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số; hình thành một số trung tâm liên kết ngành với quy mô cấp vùng; xây dựng Cà Mau trở thành địa phương mạnh về biển, phát triển đột phá các ngành kinh tế biển, nhất là kinh tế thủy sản, du lịch, năng lượng tái tạo, hàng hải,...; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận lợi với các địa phương trong vùng, cả nước và quốc tế. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; các lĩnh vực văn hóa - xã hội phát triển

toàn diện; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng cao. Bảo vệ môi trường, bảo tồn các hệ sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, chủ động tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế để thu hút các nguồn lực hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Phấn đấu đến năm 2030, Cà Mau - tỉnh địa đầu cực Nam của Tổ quốc, trở thành tỉnh phát triển toàn diện, vững tin cùng cả nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới; một trong những trung tâm công nghiệp chế biến tôm và trung tâm năng lượng tái tạo của vùng; cửa ngõ trung chuyển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

* Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân 5 năm từ 10% trở lên; GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 trên 6.000 USD.
- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đến năm 2030 khoảng 8,0 - 8,5%/năm.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm từ 40% GRDP trở lên.
- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đến năm 2030 từ 20% trở lên.
- Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm khoảng 17 tỷ USD.
- Tổng thu ngân sách 5 năm ít nhất 75.000 tỷ đồng.
- Tổng số doanh nghiệp đến năm 2030 khoảng 20.000 doanh nghiệp.
- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt 40%.

* Về xã hội:

- Chỉ số phát triển con người (HDI) đến năm 2030 đạt trên 0,7.
- Phát triển nhà ở xã hội 5 năm trên 4.200 căn.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 80% (trùng đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ: >35%).
- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều mới) giảm khoảng 1,0 - 1,5%/năm.
- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội đến năm 2030 dưới 30%.
- Số giường bệnh/vạn dân đạt khoảng 34,5 giường; số bác sĩ/vạn dân đạt khoảng 14 bác sĩ.
- Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia khoảng 90%; 100% trường học có hệ thống nước sạch để uống và nhà vệ sinh tiêu chuẩn.

** Về môi trường:*

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 12,4% (không tính diện tích cây phân tán).
- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%; trong đó, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt khoảng 65%.
- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt 90%; tỷ lệ khu công nghiệp, khu kinh tế đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.
- Tỷ lệ thu gom xử lý rác thải sinh hoạt đạt 95% trở lên.

** Về quốc phòng, an ninh:*

Thực hiện công tác tuyển quân, diễn tập hằng năm đạt 100%. Đến năm 2030, có ít nhất 50% địa bàn cấp xã “không ma túy”; phấn đấu có 90% xã, phường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Cà Mau là tỉnh phát triển, xã hội văn minh, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu. Kinh tế Cà Mau phát triển theo mô hình tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số có năng suất lao động cao gắn với phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp mang bản sắc của con người Cà Mau nghĩa tình, mến khách. Môi trường sinh thái, đa dạng sinh học được bảo vệ, bảo tồn. Hệ thống đô thị phát triển theo hướng thông minh, sinh thái; không gian nông thôn hiện đại, văn minh. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng số phát triển đồng bộ, hiện đại, tiệm cận với các nước phát triển về nguồn nhân lực, giáo dục - đào tạo. Quốc phòng, an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm

a) Xác lập mô hình tăng trưởng mới theo hướng đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm tạo sự bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tập trung phát triển bốn trụ cột:

- Xây dựng hạ tầng từng bước đồng bộ, hiện đại, tạo động lực phát triển và liên kết vùng.

- Phát triển kinh tế biển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, chủ lực, phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh với 03 mặt giáp biển.

- Phát triển nông nghiệp sạch theo hướng sinh thái, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao.

- Phát triển dịch vụ - du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, khai thác bản sắc riêng con người và vùng đất Cà Mau.

b) Ưu tiên nguồn lực triển khai thực hiện các dự án trọng điểm, quan trọng,

có tác động và lan tỏa cao, tạo động lực thu hút đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trong thời gian tới.

c) Phát triển văn hóa, xây dựng nguồn lực con người để thực sự trở thành nền tảng, sức mạnh nội sinh, động lực cho sự phát triển nhanh, bền vững của tỉnh trong giai đoạn mới.

d) Phát huy hiệu quả hợp nhất tỉnh để xây dựng bộ máy tinh gọn hiệu lực, hiệu quả.

5. Các đột phá phát triển

a) Đột phá trong xây dựng các chính sách tạo thuận lợi cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số toàn diện, chuyển đổi xanh và phát triển kinh tế tuần hoàn và phát triển kinh tế tư nhân; phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, gắn với phát triển mạnh mẽ kinh tế biển, kinh tế số, kinh tế xanh, nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, thương mại - dịch vụ, logistics, du lịch sinh thái,... đẩy mạnh cải cách hành chính, rút ngắn tối đa các thủ tục đầu tư, tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp.

b) Đột phá trong phát triển nguồn nhân lực: Chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo nghề, nhất là nhân lực chất lượng cao trong các ngành, lĩnh vực mà tỉnh có tiềm năng, thế mạnh; thu hút được người có năng lực, trình độ cao, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng. Có chính sách đột phá về nhân tài, đủ sức cạnh tranh với các địa phương đang phát triển mạnh, đặc biệt là trong lĩnh vực năng lượng, công nghệ thông tin, nông nghiệp công nghệ cao và kinh tế biển. Cơ chế đãi ngộ gắn với hiệu quả công việc, môi trường sáng tạo và cơ hội phát triển nghề nghiệp lâu dài.

c) Đột phá trong phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, ưu tiên: Hạ tầng giao thông, sân bay, cảng biển, thủy lợi, hạ tầng năng lượng, hạ tầng du lịch; hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng số, chuyển đổi số, phát triển các trung tâm khởi nghiệp; hạ tầng khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; các dự án về năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến nông sản và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển bền vững kinh tế biển gắn với khai thác hiệu quả Cảng tổng hợp lưỡng dụng Hòn Khoai, Khu kinh tế Năm Căn, trở thành cửa ngõ trung chuyển của khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH QUAN TRỌNG; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành kinh tế

a) Phương hướng chung

Ưu tiên phát triển các ngành chủ lực có vai trò dẫn dắt tăng trưởng kinh tế của tỉnh, gồm: Công nghiệp chế biến nông, thủy sản; Công nghiệp năng lượng (điện gió, LNG, hydrogen/amoniác xanh) và dịch vụ công nghiệp biển; Dịch vụ cảng biển nước sâu - trung chuyển - dịch vụ hàng hải và logistics; Du lịch biển - đảo - rừng ngập mặn (mô hình trải nghiệm, lưu trú dài ngày).

Quan tâm phát triển các nhóm ngành dịch vụ hỗ trợ và liên kết chuỗi giá trị như: Logistics và dịch vụ hậu cần chuỗi cung ứng; tài chính - ngân hàng - bảo hiểm; đào tạo nhân lực, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; thương mại hỗ trợ và xúc tiến xuất khẩu là nền tảng, tạo kết nối thông suốt giữa công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp, cùng với các nhóm ngành chủ lực, đặc trưng, hình thành cấu trúc kinh tế đa tầng, linh hoạt và bền vững.

b) Phương hướng phát triển các ngành kinh tế

** Ngành công nghiệp:*

Phát triển công nghiệp dựa trên lợi thế so sánh và điều kiện đặc thù về: (i) nguồn nguyên liệu thủy sản quy mô lớn, chất lượng cao; gắn với vùng nguyên liệu lúa (các ngành công nghiệp xay xát lúa gạo, chế biến các sản phẩm từ gạo); (ii) vị trí ven biển, hệ thống cảng biển - cảng cá; (iii) Cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau; (iv) tiềm năng rất lớn về năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối,...). Định hướng phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, xanh, bền vững, lấy công nghiệp chế biến nông - thủy sản và công nghiệp năng lượng, nhất là năng lượng tái tạo, làm động lực dẫn dắt tăng trưởng.

Đến năm 2030, công nghiệp trở thành trụ cột quan trọng của nền kinh tế tỉnh, đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng GRDP, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất lao động, tạo việc làm ổn định và bảo đảm an ninh năng lượng địa phương, từng bước tham gia chuỗi giá trị khu vực và quốc gia.

Tổ chức không gian phát triển công nghiệp tỉnh Cà Mau theo hướng đa cực, phân vùng chức năng rõ ràng, gắn với lợi thế so sánh của từng khu vực. Hình thành cực công nghiệp năng lượng - kinh tế biển tại Khu kinh tế Năm Căn gắn với Cảng tổng hợp lưỡng dụng Hòn Khoai; phát triển trung tâm công nghiệp chế biến nông, thủy sản tại tiểu vùng trung tâm; phát triển các ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, xay xát lúa gạo, chế biến các sản phẩm từ gạo, chế biến nông thủy sản các loại tại khu vực phía Bắc tỉnh và các ngành công nghiệp năng lượng tại tiểu vùng Đông Bắc; mở rộng không gian công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo và năng lượng mới tại tiểu vùng phía Nam; phát triển công nghiệp năng lượng tại tiểu vùng phía Tây. Phát triển có chọn lọc các khu, cụm công nghiệp sinh thái, dịch vụ - logistics tích hợp và các cụm liên kết ngành gắn với hệ thống cảng biển, logistics và chuỗi cung ứng toàn cầu, nâng cao mức độ tham gia của doanh nghiệp trong nước vào chuỗi giá trị quốc tế.

Đến năm 2050, xây dựng Cà Mau trở thành trung tâm công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi và thủy sản, trung tâm năng lượng sạch, năng lượng mới của

vùng Đồng bằng sông Cửu Long và phía Nam. Công nghiệp phát triển theo chiều sâu, dựa trên đổi mới sáng tạo, công nghệ cao, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn, có năng lực cạnh tranh quốc tế. Ngành năng lượng tái tạo, hydrogen xanh và công nghiệp chế biến sâu trở thành động lực tăng trưởng dài hạn, góp phần đưa Cà Mau phát triển nhanh, bền vững, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

** Các ngành dịch vụ:*

Phát triển ngành dịch vụ, trọng tâm là thương mại và logistics, theo hướng hiện đại, văn minh, tăng trưởng nhanh và bền vững, phấn đấu nâng cao tỷ trọng đóng góp vào GRDP của tỉnh và tốc độ tăng giá trị gia tăng cao hơn mức tăng trưởng chung của nền kinh tế.

Phát triển thị trường trong tỉnh gắn với thị trường vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cả nước và thị trường quốc tế; thúc đẩy xuất khẩu theo hướng tăng quy mô, mở rộng thị trường và nâng cao giá trị gia tăng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Ưu tiên phát triển thương mại nội địa theo hướng kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống và thương mại hiện đại; phát triển mạnh thương mại điện tử, hạ tầng thương mại và logistics gắn với các trục, hành lang kinh tế, khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp và hệ thống cảng biển.

Ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động thương mại, logistics và xuất nhập khẩu; nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, từng bước đưa thương mại - dịch vụ trở thành một trong những động lực quan trọng đóng góp vào tăng trưởng GRDP và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Phát triển du lịch Cà Mau theo hướng xanh, bền vững, mang đậm bản sắc địa phương; sản phẩm du lịch đa dạng, đặc thù và có sức cạnh tranh, lấy du lịch sinh thái, nông nghiệp, cộng đồng làm trụ cột, gắn với bảo tồn đa dạng sinh học và sinh kế bền vững cho người dân. Du lịch văn hóa trở thành nhóm sản phẩm đặc thù, dựa trên việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng và không gian văn hóa bản địa. Đến năm 2030, trở thành ngành kinh tế quan trọng và là một trong những trung tâm du lịch sinh thái, văn hóa, tâm linh đặc thù của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, từng bước khẳng định vị thế trong mạng lưới liên kết du lịch quốc gia và quốc tế. Đến năm 2050, du lịch trở thành một trong những động lực tăng trưởng chủ lực của tỉnh, mang thương hiệu quốc tế về du lịch sinh thái rừng - biển và văn hóa bản địa, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

Phát triển ngành tài chính - ngân hàng - bảo hiểm theo hướng an toàn, bao trùm và bền vững, ưu tiên tín dụng xanh, nông nghiệp - thủy sản và bảo hiểm rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu trở thành ngành dịch vụ nền tảng, giữ vai trò huy động, phân bổ và dẫn dắt nguồn lực cho các ngành kinh tế trụ cột của tỉnh. Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển ngân hàng số và dịch vụ tài chính hiện đại, nhất là ở khu vực nông thôn, ven biển góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng.

** Ngành ngư, nông, lâm và diêm nghiệp:*

Phát triển ngành nông nghiệp hàng hóa hiện đại, sạch, bền vững phù hợp với các tiểu vùng sinh thái. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp để nâng cao hiệu quả sản xuất, chế biến và phát triển thị trường. Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp hiện đại; phát triển các vùng sản xuất hàng hóa lớn, giá trị gia tăng cao, gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm; đẩy mạnh liên kết sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, nông thôn.

Cà Mau tiếp tục phát huy vai trò “Trung tâm phát triển ngành tôm của Việt Nam”. Hình thành cụm liên kết ngành hàng tôm cấp vùng, gắn kết các khâu: sản xuất giống - nuôi - chế biến - logistics - xuất khẩu - nghiên cứu - chuyển giao công nghệ - tài chính - bảo hiểm - thương mại điện tử - chứng nhận chất lượng. Xây dựng trung tâm nghiên cứu giống tôm quốc gia tại Cà Mau, đầu tư khu công nghiệp chế biến sâu ngành tôm.

Chuyển một số diện tích trồng lúa kém hiệu quả ven biển sang cây trồng, vật nuôi phù hợp. Mở rộng diện tích lúa - tôm gắn với lúa hữu cơ - tôm sạch. Cơ bản ổn định diện tích chuyên lúa, kết hợp trồng lúa với bảo tồn và phát triển nguồn lợi cá đồng; nuôi dưỡng sản sinh những đầm sồng thủy sinh, thủy sản, đa dạng sinh học quý hiếm mang lại nguồn lợi giá trị lớn, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Tiếp tục xây dựng, mở rộng các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị, cánh đồng lớn, vùng nguyên liệu lúa tập trung, phát thải thấp, chất lượng cao phục vụ xuất khẩu và thị trường xuất khẩu nông sản.

Đột phá mạnh mẽ trong xây dựng hạ tầng nông nghiệp, nông thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại và hiệu quả. Phát huy hiệu quả Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu tại phường Hiệp Thành. Xây dựng vành đai nông nghiệp sinh thái Cà Mau, bao gồm các vùng tôm - lúa, tôm - rừng và lúa - tôm chất lượng cao. Phát triển hệ thống hợp tác xã số và ứng dụng công nghệ số vào quản trị nông nghiệp.

Phát triển mạnh kinh tế lâm nghiệp, trong đó tập trung công nghiệp chế biến gỗ, giá trị gia tăng cao; kết hợp hiệu quả dịch vụ du lịch sinh thái trong lâm phần; tập trung trồng rừng tại các bãi bồi, khu kè lấn biển. Xây dựng đề án, kế hoạch di dời các hộ dân đang sinh sống trong các khu vực rừng gắn với quy hoạch các cụm, tuyến dân cư tập trung phù hợp, bảo đảm ổn định đời sống lâu dài. Phát triển kinh tế dưới tán rừng, triển khai cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng ở những khu vực đủ điều kiện, xây dựng vùng rừng “đa chức năng” (kinh tế - sinh thái - bảo vệ - du lịch).

Phát triển diêm nghiệp tại những nơi có điều kiện thuận lợi; đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao chất lượng thương hiệu muối Bạc Liêu.

Tổ chức, sắp xếp không gian phát triển ngư, nông, lâm, diêm nghiệp theo đặc trưng các tiểu vùng sinh thái ngọt, mặn, lợ, bảo đảm phù hợp và đồng bộ với không gian phát triển phân vùng thủy lợi gồm: Bắc Cà Mau và Nam Cà Mau.

** Kinh tế biển, đảo:*

Phát triển kinh tế biển, ven biển Cà Mau theo hướng bền vững, hiện đại và tăng trưởng xanh, xác định biển - đảo là không gian phát triển chiến lược, động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ quyền quốc gia. Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển có lợi thế: Nuôi trồng, khai thác hải sản; dịch vụ hậu cần nghề cá; du lịch, dịch vụ, đô thị du lịch sinh thái biển; kinh tế hàng hải, cảng biển; dầu khí; công nghiệp ven biển, chế biến, xuất khẩu các sản phẩm từ biển; năng lượng tái tạo; diêm nghiệp và các ngành kinh tế biển mới. Hình thành một số trung tâm nghề cá lớn; thúc đẩy nuôi biển, gắn khai thác với bảo vệ nguồn lợi hải sản, phát triển bền vững và nâng cao giá trị gia tăng.

Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Cà Mau là một trong những tỉnh phát triển mạnh về kinh tế biển, đảo của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đạt các tiêu chí về phát triển bền vững kinh tế biển, đảo; các ngành nghề kinh tế biển phát triển theo hướng hiện đại, tăng trưởng xanh, trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của người dân các xã, phường ven biển được cải thiện, nâng cao; tài nguyên biển, đảo được quản lý, khai thác hợp lý, hiệu quả, bền vững.

2. Phương hướng phát triển khoa học công nghệ và các lĩnh vực văn hóa - xã hội

a) Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tất cả các ngành, lĩnh vực nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh, gắn với thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị.

Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự là động lực quan trọng của tăng trưởng nhanh và bền vững; ưu tiên phát triển gắn với chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; tập trung ưu tiên đầu tư công nghệ số, công nghệ sinh học và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tăng cường tìm kiếm công nghệ mới; đẩy mạnh hợp tác chuyển giao công nghệ và nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn và có giá trị ứng dụng cao. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đồng bộ, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp khoa học - công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp và các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng.

b) Giáo dục và đào tạo

Phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng đồng bộ, hiện đại, chất lượng và bền vững; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa tri thức nhân loại gắn với thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị. Chú trọng phát triển con người toàn diện về phẩm chất, năng lực, tư duy sáng tạo và kỹ năng hội

nhập, góp phần nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI), tạo nền tảng phát triển kinh tế - xã hội.

Xây dựng hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo. Đổi mới phương thức quản lý, tổ chức dạy học, kiểm tra và đánh giá trên cơ sở ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và khả năng thích ứng trước yêu cầu phát triển mới. Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bảo đảm đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, từng bước nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Giáo dục nghề nghiệp được đổi mới theo hướng hiện đại, gắn chặt với nhu cầu thị trường lao động và định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực mũi nhọn của tỉnh. Tập trung xây dựng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế; đẩy mạnh phân luồng, mô hình trung học nghề và liên kết Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp, đặc biệt đào tạo gắn với doanh nghiệp và công nghệ cao. Ưu tiên phát triển các nghề trọng điểm, ngành nghề mới phục vụ chuyển đổi số, kinh tế xanh, đồng thời nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất, tăng cường đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho người lao động.

c) Y tế và chăm sóc sức khỏe

Xây dựng hệ thống y tế đảm bảo mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, số năm sống khỏe để phát triển toàn diện gắn với thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị. Đề cao ý thức phòng bệnh, lối sống lành mạnh; gắn kết y học cổ truyền với y học hiện đại.

Nâng cao năng lực hệ thống y tế công bằng, chất lượng và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu phòng, khám và chữa bệnh của nhân dân; phát triển đồng bộ y tế dự phòng, y tế cơ sở, y tế chuyên sâu và phát huy thế mạnh y học cổ truyền; chú trọng y tế và chăm sóc sức khỏe người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

Thu hút nguồn nhân lực y tế chất lượng, có ý thức đáp ứng yêu cầu và công tác lâu dài tại địa phương. Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, phát triển y tế thông minh; mở rộng mô hình khám, chữa bệnh từ xa. Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, khuyến khích phát triển y tế tư nhân có chất lượng cao, nhất là tại khu vực tập trung đông dân cư, khu vực phát triển đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Phát triển các cơ sở y tế chất lượng cao phục vụ người dân, các chuyên gia và khách du lịch, nhất là tại khu vực Đất Mũi.

d) Văn hóa, thể thao

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh gắn với thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị; không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân; thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các khu vực, các

đối tượng chính sách và yếu thế trong xã hội; chú trọng phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số; quan tâm đào tạo nguồn nhân lực đồng bộ, chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển sự nghiệp văn hóa; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo xây dựng tập trung, đồng bộ, trang thiết bị phù hợp, hoàn thiện các thiết chế trung tâm văn hóa, bảo tàng và thư viện.

Giữ gìn, bảo vệ và phát huy giá trị bản sắc văn hóa đặc trưng của tỉnh; bảo tồn, tôn tạo và khai thác hiệu quả các di tích lịch sử - văn hóa, ưu tiên các di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia. Phát triển hệ sinh thái công nghiệp văn hóa gắn với chuyển đổi số, kinh tế đêm và các ngành công nghiệp liên quan.

Tập trung phát triển không gian văn hóa đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa của Nhân dân; thúc đẩy chuỗi giá trị công nghiệp văn hóa - giải trí - du lịch. Chú trọng văn hóa cơ sở, phát triển phong trào văn hóa - văn nghệ quần chúng sâu rộng, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa và địa bàn tập trung nhiều khu, cụm công nghiệp.

Phát triển thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao ở những môn có thế mạnh; rà soát, quy hoạch và đầu tư đồng bộ hệ thống thiết chế thể dục thể thao từ tỉnh đến cơ sở; xác định các khu vực trọng điểm, hình thành các khu văn hóa - thể thao, sân vận động, trung tâm huấn luyện đạt tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, bảo đảm khả năng đăng cai các sự kiện thể thao lớn.

Khuyến khích mạnh mẽ xã hội hóa văn hóa - thể thao, thu hút doanh nghiệp đầu tư tổ hợp văn hóa, thể thao gắn với du lịch, tổ chức lễ hội, sự kiện. Nghiên cứu đầu tư phát triển Trung tâm thể dục, thể thao hiện đại, gắn với định hướng phát triển đô thị gắn kết với giao thông công cộng.

đ) Lao động, việc làm

Phát triển lao động, việc làm theo hướng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, gắn chuyển dịch cơ cấu lao động với đổi mới mô hình tăng trưởng và các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh; trọng tâm là đào tạo lao động có kỹ năng nghề, năng lực số và khả năng thích ứng với chuyển đổi số, khoa học - công nghệ. Xây dựng thị trường lao động hiện đại, linh hoạt, kết nối hiệu quả cung - cầu, tạo việc làm bền vững, nâng cao thu nhập và bảo đảm an sinh xã hội.

e) An sinh xã hội

Phát triển hệ thống an sinh xã hội theo hướng đa tầng, toàn diện, hiện đại và thích ứng linh hoạt; bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu có chất lượng, ưu tiên đối tượng chính sách, người yếu thế, thực hiện nhất quán quan điểm “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với người có công. Triển khai đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình giảm nghèo đa chiều, bao trùm và bền vững. Bảo đảm an sinh và phúc lợi xã

hội, nâng cao hiệu quả công tác bảo trợ xã hội đối với các đối tượng yếu thế. Thực hiện tốt công tác phòng, chống tệ nạn xã hội. Tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh, thực hiện đầy đủ quyền trẻ em, bình đẳng giới. Bảo đảm đầy đủ, toàn diện chính sách về dân tộc, tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội chuyên nghiệp, hiệu quả đáp ứng nhu cầu trợ giúp cho các đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội.

g) Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh và mở rộng đối ngoại, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, an ninh biên giới quốc gia; chủ động ứng phó trong mọi tình huống. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, nhất là tuyến ven biển; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng. Đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế tỉnh, thu hút đầu tư, mở rộng thị trường xuất khẩu, phục vụ phát triển bền vững, gắn với thực hiện Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị.

3. Phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội

Tổ chức hợp lý không gian nhằm phát huy tối đa các lợi thế trên địa bàn cho phát triển kinh tế - xã hội theo mô hình 1-2-3-4-5: “1 trục động lực - 2 trung tâm - 3 cực tăng trưởng - 4 vùng - 5 hành lang”, bảo đảm lan tỏa và cân bằng phát triển:

a) 01 Trục động lực phát triển

Trục động lực chạy dọc theo tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau - Năm Căn - Đất Mũi, kết nối trực tiếp với cụm cảng Hòn Khoai; hướng đến hình thành một dải phát triển tích hợp, có chiều rộng hai bên, bố trí quỹ đất cho logistics, cảng cạn (ICD), kho lạnh, khu công nghiệp chế biến - năng lượng, cùng các khu đô thị dịch vụ; trục động lực trở thành một hệ sinh thái phát triển đa chức năng, giữ vai trò xương sống dẫn dắt tăng trưởng toàn tỉnh.

b) 02 Trung tâm

Đô thị Cà Mau là trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh; là hạt nhân, động lực tăng trưởng của tiểu vùng trung tâm.

Đô thị Bạc Liêu là trung tâm văn hóa - nghệ thuật, giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, thương mại, du lịch, nghỉ dưỡng; là hạt nhân, động lực tăng trưởng của tiểu vùng Đông Bắc.

c) 03 cực tăng trưởng

Hình thành 03 cực tăng trưởng mới của tỉnh, gồm: Năm Căn (khu kinh tế Năm Căn, đô thị Năm Căn), cụm đảo Hòn Khoai (Cảng tổng hợp lương thực Hòn Khoai), đô thị Phước Long.

Cực Năm Căn được xác định là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, gồm: Công nghiệp - thương mại - dịch vụ - nông nghiệp kỹ thuật cao, du lịch sinh thái và các trung tâm tiếp vận (logistics) của tỉnh và vùng đồng bằng sông Cửu Long với trọng tâm là ngành thủy sản công nghệ cao; là động lực phát triển của tiểu vùng ven biển phía Nam của tỉnh; tạo tiền đề hình thành, phát triển đô thị Năm Căn; là trung tâm dịch vụ du lịch sinh thái đặc trưng rừng ngập mặn, điểm trung chuyển kết nối với Khu du lịch Mũi Cà Mau; là trung tâm công nghiệp, thương mại - dịch vụ và nuôi trồng, chế biến thủy sản của vùng đồng bằng sông Cửu Long; là khu kinh tế biển, có vị trí chiến lược về quốc phòng - an ninh của vùng đồng bằng sông Cửu Long và quốc gia.

Cực Hòn Khoai được xác định là cửa ngõ cảng biển, gắn với cảng tổng hợp lưỡng dụng - trung tâm logistics - năng lượng tái tạo - du lịch biển đảo - dịch vụ hậu cần nghề cá, kết nối chặt chẽ với 2 đảo còn lại của tỉnh (Hòn Chuối, Hòn Đá Bạc) và chuỗi khu công nghiệp - khu dịch vụ của tỉnh Cà Mau; gắn kết với đô thị Đất Mũi phát triển dịch vụ, thương mại, du lịch; là trung tâm hậu cần - dịch vụ - logistics của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và là tuyến phòng thủ chủ lực cực Nam của Tổ quốc.

Cực Phước Long với trung tâm là đô thị Phước Long và các đô thị vệ tinh xung quanh (Ninh Quới, Hồng Dân, Vĩnh Phước) hình thành khu vực phát triển mạnh các ngành công nghiệp xây dựng, công nghiệp chế biến nông thủy sản, gắn với vùng nguyên liệu phía Bắc của tỉnh.

d) 04 tiểu vùng kinh tế - xã hội

Tiểu vùng 1 - Tiểu vùng trung tâm: Đây là tiểu vùng phát triển mạnh về đô thị - công nghiệp - thương mại, dịch vụ, với hạt nhân là đô thị Cà Mau; ưu tiên phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ số, các dịch vụ chất lượng cao, du lịch, dịch vụ du lịch, kinh tế số và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Tiểu vùng 2 - Tiểu vùng Đông Bắc: Đây là tiểu vùng phát triển kinh tế đa dạng về dịch vụ đô thị, thương mại, dịch vụ du lịch, du lịch - nghỉ dưỡng, công nghiệp xây dựng, công nghiệp chế biến nông thủy sản, nông nghiệp công nghệ cao, thủy hải sản, nghề muối, năng lượng tái tạo, với hạt nhân là đô thị Bạc Liêu; tiểu vùng còn có cực tăng trưởng đô thị Phước Long và các đô thị Giá Rai, Láng Tròn, Gành Hào, Phong Thạnh; có ưu thế, tiềm năng kết nối thuận lợi với tuyến đường bộ ven biển phía Đông của vùng Đồng bằng sông Cửu Long để thu hút đầu tư các khu, cụm công nghiệp tổng hợp, chuyên đề phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của tiểu vùng. Phát triển chuỗi nông sản, thủy hải sản công nghệ cao gắn chế biến - logistics lạnh - xuất khẩu.

Tiểu vùng 3 - Tiểu vùng phía Nam: Đây là tiểu vùng phát triển mạnh về kinh tế biển, công nghiệp chế biến, chế tạo, đóng tàu, năng lượng tái tạo, năng lượng mới, logistics quốc tế, dịch vụ cảng biển, kinh tế hàng hải, dịch vụ đô thị, du lịch,... với các cực tăng trưởng quan trọng như: Hòn Khoai (cảng tổng hợp

lường dụng Hòn Khoai, đô thị Đất Mũi); khu kinh tế Năm Căn, đô thị Năm Căn.

Tiểu Vùng 4 - Tiểu vùng phía Tây: Đây là tiểu vùng phát triển kinh tế biển, phát triển đa dạng các ngành nông nghiệp, thủy hải sản, với hạt nhân là đô thị Sông Đốc; là vùng nông nghiệp ngọt lơ luân phiên, nuôi biển, thủy hải sản, cảng cá - hậu cần nghề cá, du lịch sinh thái - trải nghiệm rừng/biển/văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, lâm nghiệp phát triển theo mô hình bền vững gắn với bảo tồn Vườn quốc gia U Minh Hạ, phát triển năng lượng tái tạo.

đ) 05 Hành lang kinh tế

Hành lang kinh tế ven biển Tây: Ưu tiên kinh tế biển gắn khai thác - hậu cần nghề cá, dịch vụ cảng cá; nông nghiệp ngọt - lơ, lâm nghiệp bền vững và du lịch sinh thái trên nền tảng bảo tồn hệ sinh thái rừng ngập mặn.

Hành lang kinh tế ven biển Đông: Tập trung du lịch biển, đảo, kinh tế thủy hải sản (nuôi trồng công nghệ cao, chế biến sâu), logistics và năng lượng tái tạo.

Hành lang kinh tế kết nối 02 đô thị Cà Mau và Bạc Liêu, được mở rộng ra 2 phía của trục Quốc lộ 1 (phía Bắc đến đường cao tốc mới, phía Nam đến đường tỉnh mới), dựa trên 03 tuyến kết nối đường bộ và 01 tuyến vận tải thủy quốc gia Bạc Liêu - Cà Mau; hình thành không gian kinh tế sôi động, phát triển mạnh về đô thị, thương mại, dịch vụ; thúc đẩy đô thị hóa, thương mại dịch vụ và đổi mới sáng tạo.

Hành lang kinh tế chạy dọc theo trục thủy, bộ Quản lộ - Phụng Hiệp - Quốc lộ 1 (đoạn Cà Mau - Năm Căn) - đường Hồ Chí Minh (đoạn Năm Căn - Đất Mũi), kết nối các đô thị Phước Long, Cà Mau, Năm Căn, điểm cuối là đảo Hòn Khoai hình thành, phát triển công nghiệp và logistics.

Hành lang kinh tế Đông - Tây, kết nối đô thị Sông Đốc ở phía Tây và đô thị Tân Thuận, Gành Hào ở phía Đông. Đây là hành lang kết nối nội tỉnh, giữa các tiểu vùng kinh tế - xã hội của tỉnh, hành lang giao thương kinh tế rất quan trọng, thúc đẩy, lan tỏa các hoạt động giao lưu, giao thương, sản xuất, kinh doanh; bảo đảm cân bằng tiếp cận dịch vụ công và thị trường.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

1. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực đô thị

a) Xây dựng hệ thống đô thị tỉnh Cà Mau phát triển theo hướng bền vững - hiện đại - thông minh, có khả năng thích ứng cao với biến đổi khí hậu; hoàn thiện đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị và đơn vị hành chính theo quy định của Trung ương, làm nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

b) Hình thành và củng cố các trung tâm đô thị động lực. Đô thị Cà Mau

được xác định là trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế - văn hóa - xã hội, đóng vai trò đầu tàu tăng trưởng; đô thị Bạc Liêu là trung tâm văn hóa - nghệ thuật, giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, thương mại, du lịch, nghỉ dưỡng, mang bản sắc đa văn hóa của vùng Nam Bộ; đô thị Năm Căn, Đất Mũi là đô thị biển đa chức năng, hỗ trợ hậu cần trực tiếp cho cảng tổng hợp lưỡng dụng Hòn Khoai.

c) Tập trung phát triển nhanh các đô thị tại các xã, phường trọng điểm như: Phước Long, Gành Hào, Sông Đốc, Năm Căn, Đất Mũi và các khu vực có tiềm năng trở thành đô thị mới, nhằm mở rộng không gian phát triển và phân bố hợp lý dân cư, hạ tầng và dịch vụ đô thị.

d) Định hướng phát triển đa dạng các loại hình đô thị: Đô thị sân bay Cà Mau, đô thị vệ tinh gắn với công nghiệp, đô thị ven biển gắn với kinh tế biển và dịch vụ hậu cần nghề cá, đô thị sinh thái - hiện đại, đô thị mở rộng không gian đô thị trung tâm, đô thị theo mô hình TOD dọc các tuyến cao tốc; gắn phát triển đô thị với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư, tạo việc làm và nâng cao chất lượng sống người dân.

đ) Đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, khi bảo đảm điều kiện, tiêu chí theo quy định. Đến năm 2030 tỉnh có 35 đô thị; trong đó: 02 cụm đô thị loại II (Cà Mau, Bạc Liêu), 01 cụm đô thị loại III (Giá Rai) và 32 đô thị loại III.

2. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

Phát triển khu vực nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, thông minh, bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu, dựa trên lợi thế sinh thái và liên kết vùng, lấy thủy sản, rừng và kinh tế biển làm trụ cột. Chuyển mạnh từ phát triển theo sản lượng sang phát triển theo chất lượng, giá trị gia tăng và chuỗi giá trị, gắn với kinh tế tập thể, thị trường và ứng dụng khoa học - công nghệ, đặc biệt là chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, phục vụ đời sống và sản xuất của cư dân nông thôn.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG, CÁC VÙNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG, PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NHỮNG KHU VỰC KHÓ KHĂN, ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN, NHỮNG KHU VỰC CÓ VAI TRÒ ĐỘNG LỰC

1. Phương án phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp

a) Phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp của tỉnh theo hướng bền vững, hiện đại, hội nhập, gắn chặt với chiến lược phát triển kinh tế biển, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và thích ứng biến đổi khí hậu. Khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được xác định là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trong mạng lưới sản xuất - logistics quốc gia và quốc tế.

b) Tập trung phát triển Khu kinh tế Năm Căn theo mô hình khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, hình thành trung tâm công nghiệp - thương mại - dịch vụ - logistics hướng biển, gắn với hệ thống cảng Năm Căn - Hòn Khoai.

c) Phát triển các khu công nghiệp có chọn lọc, theo hướng chuyên ngành hoặc đa ngành; ưu tiên công nghiệp sạch, công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao; hướng tới hình thành phát triển các khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ tại những khu vực có điều kiện phù hợp. Trong quá thực hiện, xem xét điều chỉnh quy mô, vị trí các khu, cụm công nghiệp nhằm đảm bảo phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế và định hướng phát triển chung của tỉnh.

d) Phát triển các cụm công nghiệp theo hướng đồng bộ, hiện đại, hiệu quả và bền vững, phù hợp với điều kiện tự nhiên, lợi thế so sánh và định hướng phát triển kinh tế biển, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn của tỉnh. Phát triển các cụm công nghiệp quy mô lớn kết nối thuận lợi với các tuyến cao tốc, các nút giao, các đầu mối giao thông quan trọng, dọc các tuyến ven biển, phù hợp với định hướng phát triển năng lượng tái tạo, chế biến sâu và logistics; hình thành các cụm công nghiệp xay xát lúa gạo, chế biến các sản phẩm từ gạo gắn với các vùng nguyên liệu lúa của tỉnh. Cụm công nghiệp được xác định là không gian sản xuất công nghiệp quan trọng ở địa phương, có vai trò hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, chế biến sâu và lan tỏa động lực phát triển kinh tế - xã hội tại các khu vực nông thôn, ven biển.

đ) Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại cho khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp, bảo đảm kết nối giao thông, cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải, logistics và hạ tầng số, đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh.

2. Khu du lịch

a) Phát triển hệ thống khu du lịch theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp Quy hoạch hệ thống du lịch quốc gia; phát huy lợi thế tổng hợp biển - rừng - văn hóa - tâm linh, gắn với bảo tồn tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu, từng bước đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

b) Hình thành các khu du lịch động lực cấp quốc gia và cấp tỉnh, đóng vai trò hạt nhân dẫn dắt phát triển du lịch toàn tỉnh và liên kết vùng Đồng bằng sông Cửu Long; tập trung phát triển du lịch sinh thái, văn hóa - tâm linh, trải nghiệm và du lịch cộng đồng gắn với bản sắc địa phương, du lịch kết hợp với chăm sóc sức khỏe, nghỉ dưỡng.

c) Ưu tiên phát triển Khu du lịch Mũi Cà Mau và Khu du lịch Nhà Mát - Bạc Liêu trở thành khu du lịch quốc gia, trong đó Khu du lịch Mũi Cà Mau là trung tâm du lịch sinh thái biển - rừng ngập mặn đặc sắc gắn với biểu tượng cực

Nam Tổ quốc; Khu du lịch Nhà Mát - Bạc Liêu là tổ hợp du lịch văn hóa - tâm linh - giải trí biển hiện đại, liên kết di sản văn hóa và năng lượng sạch.

d) Phát triển các khu, điểm du lịch trọng điểm khác như: Đầm Thị Tường, Vườn quốc gia U Minh Hạ và các khu vực có tiềm năng; kiểm soát chặt chẽ quy mô, mật độ đầu tư, bảo đảm hài hòa giữa khai thác du lịch với bảo tồn hệ sinh thái, cảnh quan và đa dạng sinh học.

3. Khu cụm đảo Hòn Khoai

a) Khẳng định Hòn Khoai là trọng điểm chiến lược quốc gia: vừa là “điểm tựa” tiên tiêu bảo vệ chủ quyền vùng biển Tây Nam, vừa là cực tăng trưởng kinh tế biển mới, mọi định hướng phải quán triệt yêu cầu gắn phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh.

b) Tổ chức thực hiện theo cơ chế “đầu tư công tạo nền - kéo theo PPP và vốn doanh nghiệp”, đồng thời đề xuất khung thí điểm/cơ chế đặc thù áp dụng trực tiếp cho các dự án trọng điểm để bảo đảm tính khả thi và tiến độ.

c) Đến năm 2030, ưu tiên hạ tầng chiến lược: Cảng tổng hợp lưỡng dụng, trung tâm logistics, gắn tuyến trung chuyển - dịch vụ hàng hải, du lịch quốc tế, hậu cần nghề cá. Đồng thời củng cố năng lực kiểm soát biển - an toàn hàng hải - tìm kiếm cứu nạn thông qua bố trí hạ tầng phù hợp, bảo đảm thể trận quốc phòng, an ninh bền vững trên biển.

4. Khu kinh tế tự do

a) Khu kinh tế tự do Cà Mau được định vị là cực tăng trưởng kinh tế biển mới của vùng Tây Nam Bộ, dựa trên tổ hợp: cảng nước sâu - trung chuyển - logistics - công nghiệp chế biến - năng lượng sạch, gắn chặt yêu cầu quốc phòng, an ninh và bảo tồn sinh thái.

b) Việc phát triển khu kinh tế tự do cần được thực hiện theo lộ trình nhiều giai đoạn, dựa trên năng lực quản trị thực tế và mức độ sẵn sàng.

5. Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

a) Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung theo hướng ổn định quy mô, nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng gồm: Vùng chuyên canh lúa, vùng nuôi tôm công nghệ cao, vùng nuôi tôm sinh thái, vùng lúa - tôm kết hợp tạo ra các sản phẩm chất lượng cao.

b) Khu vực rừng U Minh Hạ và rừng ngập mặn ven biển được định hướng phát triển lâm nghiệp bền vững; trong đó, U Minh Hạ tập trung trồng rừng gắn với chế biến lâm sản; khu vực rừng ngập mặn ven biển kết hợp trồng rừng với xây dựng kè giảm sóng, gây bồi tạo bãi để mở rộng diện tích rừng. Qua đó, từng bước nâng cao chất lượng rừng, tăng tỷ lệ che phủ rừng, góp phần ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

6. Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

a) Tập trung ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu (giao thông, thủy lợi, điện, nước, viễn thông, chợ, trường học, y tế) những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn nhằm tăng khả năng tiếp cận dịch vụ cơ bản và kết nối với các vùng kinh tế phát triển. Đồng thời, bố trí đội ngũ cán bộ có năng lực, tâm huyết; thực hiện đầy đủ chính sách ưu đãi đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác tại địa bàn đặc biệt khó khăn.

b) Tổ chức triển khai hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia; huy động đa dạng nguồn lực, trong đó có vốn hỗ trợ quốc tế, tập trung vào hạ tầng và tạo sinh kế bền vững. Đẩy mạnh khuyến nông, khuyến ngư, chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ hình thành các mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ phù hợp điều kiện từng địa bàn; phát triển các trung tâm cụm xã làm đầu mối hỗ trợ và tiêu thụ sản phẩm.

c) Bố trí nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; hỗ trợ vay vốn, phổ cập kiến thức và kỹ năng tài chính nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững. Chú trọng đầu tư giáo dục, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thực hiện đầy đủ các chính sách an sinh xã hội; đồng thời bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc. Định kỳ rà soát, đánh giá và kịp thời điều chỉnh phương án phát triển phù hợp với chính sách mới của Trung ương và điều kiện thực tế từng khu vực.

7. Phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực

Các khu vực có vai trò động lực được xác định là các đô thị, các trung tâm cụm xã, các xã được quy hoạch hình thành đô thị loại III, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu vực tập trung đông các cơ sở sản xuất tại các xã. Khu vực động lực là những khu vực thuận tiện về giao thông, mật độ dân cư cao có tiềm năng hình thành đô thị trong tương lai. Định hướng chính để phát triển các khu vực động lực là: Mở rộng các tuyến tính lộ từ khu vực động lực đến địa bàn các xã lân cận; đầu tư cơ sở hạ tầng (giao thông, điện, cấp nước, thoát nước, viễn thông, công trình giáo dục, y tế, tạo quỹ đất thương mại) trong nội bộ khu vực động lực, quy hoạch khu dân cư, khu thương mại dịch vụ theo mô hình khu dân cư đô thị tại các khu vực động lực, từng bước đưa các khu vực động lực trở thành các đô thị; hỗ trợ các hợp tác xã, doanh nghiệp, ngân hàng và các bên cung cấp dịch vụ tài chính ngân hàng, dịch vụ ngư, nông, lâm, diêm nghiệp, các loại hình dịch vụ đô thị hoạt động tại khu vực động lực, đưa các khu vực động lực thành trung tâm tiểu vùng ở mỗi xã.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

Phát triển hệ thống giao thông vận tải đồng bộ, liên hoàn và bền vững, bảo đảm lưu thông an toàn, thông suốt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và thích ứng biến đổi khí hậu. Đến năm 2030, ưu tiên hoàn

thiện các trục giao thông đối ngoại, cao tốc, cảng biển, cảng hàng không và hệ thống đường thủy nội địa, gắn với nâng cao năng lực logistics. Đến năm 2050, cơ bản hoàn chỉnh mạng lưới hạ tầng giao thông theo tiêu chuẩn kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, phát huy lợi thế hàng hải và vận tải thủy, nâng cao hiệu quả khai thác và quản lý. Nghiên cứu phát triển mới cảng hàng không quốc tế tại khu vực phía Nam tỉnh, làm đầu mối giao thông tại cực Nam gần khu kinh tế Năm Căn - cảng Hòn Khoai - đô thị Đất Mũi.

a) Về đường bộ

Tập trung hoàn thiện các trục đối ngoại chiến lược, trọng tâm là đầu tư, khai thác hiệu quả tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau, Cà Mau - Đất Mũi, kết nối cầu vượt biển ra Hòn Khoai và khu cảng tổng hợp lưỡng dụng Hòn Khoai; tuyến cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu.

Đầu tư đường đô thị tốc độ cao kết nối hai trung tâm tỉnh tạo không gian phát triển đô thị, công nghiệp công nghệ cao, thương mại, dịch vụ,...

Phát triển đồng bộ hệ thống đường bộ của tỉnh, trong đó tận dụng mọi nguồn lực đầu tư hình xây dựng tuyến đường bộ ven biển, đường tỉnh kết nối hai đô thị Cà Mau và Bạc Liêu để hình thành “hành lang logistics” phục vụ kinh tế biển, năng lượng và nuôi trồng thủy sản.

Tổ chức kết nối đồng bộ đường bộ - cảng biển - logistics/cảng cạn - sân bay; trong đó, có đề xuất mở mới các bến bãi đường bộ và các tuyến kết nối phục vụ chuỗi logistics.

b) Đường sắt

Theo quy hoạch đường sắt quốc gia, định hướng tuyến Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Cà Mau; trong đó, tuyến Cần Thơ - Cà Mau có chiều dài khoảng 145 km; nghiên cứu kéo dài đến xã Phan Ngọc Hiển để khai thác hiệu quả cảng Hòn Khoai, hình thành vận tải đa phương thức.

c) Đường thủy nội địa

Phát triển giao thông đường thủy hiện đại, tăng vai trò cảng thủy nội địa trong mạng lưới logistics và phát triển tuyến thủy ra các đảo.

Quy hoạch mạng lưới thủy đủ yêu cầu cấp kỹ thuật đường thủy nội địa gồm các tuyến trục và các luồng tuyến nhánh, tăng kết nối liên thông sông - kênh toàn tỉnh.

Đề xuất hành lang vận tải chính như: Năm Căn - Bò Đề (đoạn luồng hàng hải Năm Căn - Bò Đề) và các tuyến vận tải khác để tăng năng lực vận chuyển bằng đường thủy.

d) Cảng biển, cảng cạn

Phát triển hệ thống cảng biển loại III của tỉnh (Năm Căn, Ông Đốc, Hòn Khoai...), gắn các tuyến cao tốc/đường ven biển để nâng năng lực logistics vùng.

Trọng tâm đầu tư hoàn chỉnh cảng Hòn Khoai - cảng tổng hợp lưỡng dụng đón tàu đến 250.000 DWT, công suất khoảng 20 triệu tấn/năm.

Bố trí bến phao, khu neo đậu chuyển tải, tránh trú bão tại Năm Căn, Hòn Khoai, Sông Đốc, Gành Hào, Vĩnh Hậu.

Phát triển trung tâm logistics và cảng cạn (ICD) tại Đất Mũi và tổ chức kết nối đường bộ chuyên dụng để khai thác hiệu quả chuỗi dịch vụ vận tải.

đ) Cảng hàng không, sân bay

Nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau đạt cấp 4C (ICAO), sân bay quân sự cấp II; công suất 1,0 triệu hành khách/năm đến năm 2030.

Tổ chức kết nối sân bay: Nâng cấp Quốc lộ 1 và đường vành đai của trung tâm Cà Mau để bảo đảm tiếp cận thuận tiện.

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

Phát triển mạng lưới cấp điện phải phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương án phát triển nguồn điện, lưới điện, tiêu chí, luận chứng theo Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quyết định, quy định có liên quan của cấp có thẩm quyền.

a) Nguồn điện

Phát triển nguồn điện tại các khu vực có tiềm năng đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; thu hút đầu tư các dự án năng lượng tái tạo, hướng tới xuất khẩu điện theo chủ trương của Chính phủ.

Phát triển điện khí, khai thác hiệu quả hệ thống khí - điện hiện hữu trên địa bàn tỉnh và tiếp tục hoàn thiện hạ tầng kho cảng, đường ống dẫn khí đủ khả năng nhập khẩu khí LNG; tiếp tục phát triển năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối theo tiềm năng và lợi thế của tỉnh đồng thời phát triển các nhà máy pin lưu trữ tại các khu vực tập trung nguồn điện năng lượng tái tạo nhằm tối ưu hóa nguồn cấp cho hệ thống điện.

Khuyến khích phát triển nguồn điện năng lượng tái tạo không nối lưới để cung cấp trực tiếp sản xuất năng lượng mới.

Nghiên cứu, định hướng khai thác điện mặt trời nổi kết hợp du lịch, điện hạt nhân quy mô nhỏ nhằm đa dạng hóa nguồn cấp điện; phát triển các trung tâm

năng lượng đa năng, các nhà máy lọc hóa dầu phù hợp, đồng bộ với các phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật khác trong quy hoạch tỉnh.

b) Lưới điện

Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các trạm, tuyến đường dây, công trình điện 500kV, 220kV, 110kV đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, giải phóng công suất cho các dự án năng lượng tái tạo và sinh hoạt.

Đánh giá trào lưu công suất lưới điện làm cơ sở điều chỉnh đầu nối các dự án nguồn điện và đầu nối các dự án nguồn điện mới theo quy hoạch điện lực quốc gia phân bổ; điều chỉnh, bổ sung các trạm biến áp, đường dây liên kết với hệ thống điện của 02 tỉnh sau hợp nhất, liên kết khu vực. Điều chỉnh tên, quy mô, hướng tuyến, đầu nối và tiến độ các công trình lưới điện truyền tải và phân phối nhằm đồng bộ bảo đảm giải tỏa công suất các nguồn điện mới.

Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các trạm biến áp, đường dây trung thế, hạ thế, bảo đảm cấp điện đầy đủ cho các khu dân cư và các khu sản xuất tập trung.

Thực hiện các chương trình cấp điện nông thôn, cấp điện cho các hộ dân chưa có điện và cải tạo, nâng cấp lưới điện nông thôn hiện có.

3. Phương án phát triển hạ tầng thủy lợi

a) Phát triển hệ thống thủy lợi tỉnh Cà Mau theo hướng chủ động kiểm soát nguồn nước mặn - ngọt - lợ, thích ứng biến đổi khí hậu, phục vụ tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp và phát triển bền vững. Ưu tiên đầu tư các công trình phân ranh mặn - ngọt, tăng cường cấp nước ngọt từ sông Hậu, chuyển nước ngọt từ sông Hậu về Cà Mau phục vụ sinh hoạt người dân theo hướng mở (dọc theo hướng tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau); bảo đảm cấp nước mặn cho nuôi trồng thủy sản, từng bước hình thành hệ thống cấp - thoát nước tách rời; hoàn thiện các hệ thống thủy lợi quy mô vừa, nâng cao khả năng trữ nước, kiểm soát ngập úng, kết hợp củng cố đê biển và tiến tới hình thành các cụm công trình thủy lợi quy mô vùng.

b) Phân vùng thủy lợi được tổ chức theo điều kiện tự nhiên, đặc điểm sinh thái và định hướng sản xuất, gồm vùng Bắc Cà Mau và vùng Nam Cà Mau. Vùng Bắc Cà Mau gồm các tiểu vùng sinh thái ngọt và lợ, phát triển lúa, tôm - lúa, tôm quảng canh và bảo tồn rừng tràm U Minh Hạ; hệ thống thủy lợi thực hiện kiểm soát mặn - ngọt linh hoạt, tăng cường cấp nước ngọt. Vùng Nam Cà Mau là vùng sinh thái mặn chủ đạo, phát triển nuôi trồng thủy sản, tôm - rừng và lâm nghiệp ven biển; hệ thống thủy lợi bảo đảm cấp, thoát nước mặn, điều tiết linh hoạt sang sinh thái lợ tại khu vực phù hợp, gắn phát triển sản xuất với phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường.

c) Ưu tiên đầu tư nâng cấp, xây dựng mới các công trình đầu mối khai thác nước ngọt, công trình kênh tiêu, công trình đầu mối tiêu (kênh, cống, trạm bơm), công trình chống ngập; nâng cấp trạm bơm tiêu ứng vùng ảnh hưởng triều cường và nạo vét kênh trục chính tăng năng lực trữ nước và dẫn nước; đồng thời duy trì quỹ mặt nước, hồ điều hòa tại đô thị và khu công nghiệp để trữ nước, giảm áp lực thoát nước. Tập trung cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới tiêu và thủy lợi lớn phục vụ trữ nước, phòng chống xâm nhập mặn, cấp nước - tiêu thoát.

d) Nghiên cứu xây dựng các hồ chứa nước ngọt và nhà máy xử lý nước để cung cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho nhân dân.

đ) Hoàn thiện hệ thống thủy lợi theo phân vùng sinh thái Bắc và Nam Cà Mau, phát triển hệ thống cấp - thoát nước phù hợp từng vùng sản xuất, gắn với củng cố đê biển, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường và bảo đảm an toàn dân cư.

4. Phương án phát triển hệ thống cấp nước

a) Phát triển hạ tầng cấp - thoát nước đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, công nghiệp và bảo vệ môi trường. Ưu tiên đầu tư các công trình cấp nước quy mô vùng và liên vùng, gồm trạm bơm nước vùng Tây Nam sông Hậu, hệ thống truyền tải, hồ trữ nước ngọt và các nhà máy xử lý nước sạch; từng bước hình thành mạng lưới cấp nước đồng bộ, liên thông, bảo đảm an ninh nguồn nước cho đô thị, nông thôn và các khu vực đặc thù. Tính toán phương án cấp nước cho Khu kinh tế Năm Căn, cảng Hòn Khoai, đô thị Đất Mũi,...

b) Phát triển hệ thống cấp nước nông thôn theo hướng tập trung, an toàn và linh hoạt, ưu tiên nâng cấp, mở rộng các công trình cấp nước tập trung quy mô lớn và vừa; kết hợp giải pháp cấp nước phân tán, trữ nước mưa và xử lý nước mặn cho vùng sâu, vùng xa, vùng khan hiếm nước, bảo đảm chất lượng nước sinh hoạt và nâng cao điều kiện sống người dân.

5. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang

a) Thực hiện hiệu quả việc phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; chú trọng xây dựng, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải rắn tại nguồn, thu gom, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi. Thu gom, vận chuyển, xử lý triệt để chất thải nguy hại. Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn y tế tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

b) Đầu tư xây dựng các nhà máy, cơ sở xử lý chất thải rắn bằng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thu hồi năng lượng, thu hồi vật liệu từ chất thải, tái chế chất thải theo định hướng kinh tế tuần hoàn; ưu tiên phát triển trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp để tận dụng nguồn chất thải làm nguyên liệu sản xuất; khuyến khích phát triển các cơ sở đồng xử lý chất thải. Từng bước đóng cửa, cải tạo các bãi rác nhỏ thành bãi rác hợp vệ sinh, trạm trung chuyển, điểm tập kết rác thải sinh hoạt phù hợp với lộ trình xây dựng với các nhà máy xử lý rác thải hiện

đại. Đầu tư xây dựng, cải tạo các trạm trung chuyển, điểm tập kết chất thải rắn để thuận lợi cho việc thu gom và vận chuyển đến các khu xử lý tập trung.

c) Phát triển hệ thống nghĩa trang theo mô hình tập trung, từng bước giảm dần và tiến tới chấm dứt hình thức nghĩa địa nhỏ lẻ, manh mún trong khu dân cư, bảo đảm phù hợp định hướng phát triển đô thị và nông thôn bền vững. Ưu tiên các hình thức mai táng văn minh, thân thiện môi trường, trong đó hỏa táng giữ vai trò chủ đạo, giảm dần địa táng truyền thống. Tận dụng hiệu quả cơ sở hỏa táng hiện có, đồng thời xem xét đầu tư bổ sung các cơ sở hỏa táng khu vực nhằm đáp ứng nhu cầu trên địa bàn đô thị Cà Mau và đô thị Bạc Liêu.

d) Phát triển nghĩa trang theo hướng công viên - cảnh quan, văn minh, hài hòa với yếu tố tôn giáo - tín ngưỡng, đảm bảo phù hợp đặc điểm văn hóa địa phương. Gắn công tác quản lý nghĩa trang với chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung để quản lý thống nhất, minh bạch và hiệu quả.

6. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

a) Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng dữ liệu tạo nền tảng vững chắc cho quá trình chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Ưu tiên đầu tư, mở rộng mạng lưới cáp quang, hạ tầng di động 5G và xây dựng Trung tâm dữ liệu (Data Center) cấp tỉnh đạt chuẩn, phục vụ chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; thu hút mời gọi đầu tư trung tâm dữ liệu lớn để giải tỏa công suất nguồn điện tại chỗ, phát huy lợi thế rất lớn của tỉnh.

b) Ưu tiên phát triển mạng bưu chính, gồm: mạng bưu chính công cộng và mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (KT1). Mạng bưu chính công cộng, gồm: mạng bưu chính tỉnh bảo đảm bán kính phục vụ bình quân của mạng bưu chính công cộng tối đa 3 km/điểm phục vụ; 100% số xã có điểm phục vụ có người phục vụ.

c) Phát triển mạng viễn thông băng rộng bảo đảm dung lượng lớn, tốc độ cao, công nghệ hiện đại, hạ tầng Internet vạn vật (IoT) được tích hợp rộng rãi bảo đảm phát triển hài hòa, phục vụ tốt chuyển đổi số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, quốc phòng, an ninh. Duy trì hoạt động và phát triển hệ thống điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng bảo đảm đáp ứng nhu cầu của phát triển kinh tế - xã hội.

d) Thực hiện lộ trình dùng các công nghệ di động cũ, tập trung triển khai các công nghệ di động 5G và các thế hệ tiếp theo. Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng ít nhất 99% dân số. Xây dựng, bảo đảm năng lực, sẵn sàng triển khai thử nghiệm mạng di động 6G. Phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông di động 5G trên cơ sở tận dụng mạng viễn thông di động 4G, tăng cường chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông giữa các doanh nghiệp viễn thông di động, tiến tới nghiên cứu công nghệ 6G.

đ) Đối với hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, tiếp tục nâng cấp dung lượng tuyến truyền dẫn viễn thông dùng riêng, kết nối từ mạng viễn thông dùng riêng của tỉnh tới thiết bị định tuyến của Bưu điện Trung ương. Xây dựng các phương án nâng cấp, bảo vệ các công trình phục vụ an ninh quốc phòng, các công trình truyền dẫn viễn thông quốc tế.

e) Phát triển hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin tổng thể, thống nhất và liên thông từ tỉnh đến xã, được quy hoạch theo hướng tập trung, an toàn và bền vững, với các trung tâm dữ liệu đạt chuẩn có đầy đủ năng lực bảo vệ an ninh mạng, an toàn thông tin và chủ quyền dữ liệu quốc gia. Nâng cấp Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh.

7. Phương án phát triển hạ tầng thương mại, xăng dầu, khí đốt

a) Phát triển hệ thống hạ tầng thương mại của tỉnh theo hướng hiện đại, đồng bộ, phân bố hợp lý, gắn với đô thị hóa, phát triển sản xuất, tiêu dùng và chuyển đổi số. Ưu tiên nâng cấp các chợ hoạt động có hiệu quả, phát triển chợ chuyên doanh nông sản, thủy sản tại vùng sản xuất tập trung; mở rộng mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm hội chợ - triển lãm tại các đô thị, khu vực có mật độ dân cư cao, kết hợp phát triển các loại hình dịch vụ thương mại mới, thương mại đêm và tiêu dùng xanh.

b) Phát triển dịch vụ logistics trở thành ngành dịch vụ mũi nhọn, hình thành mạng lưới trung tâm logistics cấp tỉnh và vùng gắn với cảng biển, sân bay, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các trục giao thông chiến lược và đảo Hòn Khoai; chú trọng logistics lạnh, logistics thương mại điện tử, kho ngoại quan góp phần giảm chi phí logistics và nâng cao năng lực cạnh tranh hàng hóa của địa phương.

c) Phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại và cửa hàng tiện lợi theo hướng đa dạng, thông minh, kết nối hiệu quả với chuỗi cung ứng vùng và quốc gia; ưu tiên phát triển các điểm trung bày, tiêu thụ sản phẩm OCOP, đặc sản địa phương gắn với du lịch và các tuyến giao thông trọng điểm.

d) Bảo đảm an ninh năng lượng, phát triển hệ thống dự trữ và cung ứng xăng dầu, khí đốt ổn định, an toàn, bền vững, gắn với lộ trình chuyển dịch năng lượng và tăng trưởng xanh. Duy trì, nâng cấp và mở rộng các kho xăng dầu hiện có; thu hút đầu tư xây dựng các kho quy mô lớn tại các khu vực thuận lợi về giao thông; hạn chế phát triển mới cửa hàng bán lẻ, tập trung nâng cấp các cửa hàng hiện hữu theo hướng tích hợp đa dịch vụ. Khuyến khích phát triển các trạm cấp khí hóa lỏng tập trung cho khu công nghiệp, từng bước giảm phụ thuộc vào nhiên liệu truyền thống, phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và cả nước, đáp ứng yêu cầu sản xuất, tiêu dùng và mục tiêu phát triển nhanh, bền vững đến năm 2030.

8. Phương án phát triển phòng cháy, chữa cháy

Phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối thống nhất với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thông tin, cấp nước, đô thị và khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; góp phần bảo vệ tính mạng, sức khỏe Nhân dân, tài sản của Nhà nước và xã hội; bảo vệ môi trường, giữ vững an ninh - trật tự, an toàn xã hội. Thiết lập Trung tâm chỉ huy điều hành phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cấp tỉnh, gắn kết “Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu, báo cháy, truyền tin sự cố” thống nhất toàn vùng.

VII. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển hạ tầng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Phát triển mạng lưới các tổ chức khoa học - công nghệ công lập theo hướng hiện đại, đa ngành, tinh gọn, gắn kết chặt chẽ với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quá trình chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo. Mạng lưới các tổ chức khoa học - công nghệ tiếp tục được củng cố và sắp xếp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo quy định, bảo đảm tính liên thông giữa nghiên cứu - ứng dụng - phát triển công nghệ và các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

b) Tiếp tục duy trì, đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật của 05 tổ chức khoa học công nghệ do tỉnh quản lý, gồm: (1) Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ; (2) Trung tâm Chuyển đổi số, (3) Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo, (4) Trung tâm Khuyến nông, (5) Trường Đại học Bạc Liêu.

c) Bổ sung xây dựng mới các hạ tầng khoa học và công nghệ, cụ thể: Khu công nghệ cao tỉnh Cà Mau, khu nghiên cứu phát triển, đổi mới sáng tạo và ươm tạo công nghệ, Khu nghiên cứu tiếp nhận, thực nghiệm và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật thủy sản nước ngọt, Khu nghiên cứu tiếp nhận, thực nghiệm và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật thủy sản nước lợ và nước mặn, Trung tâm chiếu xạ đa năng tỉnh Cà Mau. Nghiên cứu hình thành Trung tâm đào tạo khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đơn vị chuyên môn trực thuộc Trường Đại học Bạc Liêu, giữ vai trò hạt nhân kết nối giữa đào tạo - nghiên cứu - ứng dụng - chuyển giao công nghệ góp phần trực tiếp nâng cao năng lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh và vùng.

d) Ưu tiên phát triển hạ tầng số phục vụ các ngành, lĩnh vực có lợi thế đặc thù của tỉnh như thủy sản, kinh tế biển, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng tái tạo và bảo vệ môi trường. Tập trung đầu tư các nền tảng dữ liệu chuyên ngành, hệ thống giám sát, phân tích và cảnh báo sớm dựa trên công nghệ số (IoT, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo) phục vụ quản lý vùng nuôi trồng thủy sản, giám sát môi trường biển - ven biển, quản lý khai thác tài nguyên, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

đ) Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đồng bộ, tăng cường liên kết với các trung tâm đổi mới sáng tạo lớn trong khu vực; liên kết, kết nối hạ tầng đổi mới sáng tạo của tỉnh với mạng lưới đổi mới sáng tạo vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Quốc gia.

2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo

Phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo theo hướng ổn định mạng lưới, nâng cao chất lượng và mở rộng có trọng tâm. Giữ vững vai trò nền tảng của hệ thống giáo dục công lập, đồng thời phát triển giáo dục chuyên biệt và giáo dục nghề nghiệp bậc cao để đáp ứng nhu cầu đặc thù và đào tạo nhân lực kỹ thuật. Giáo dục cao đẳng, đại học phát triển theo hướng hiện đại, tự chủ, gắn với các ngành kinh tế chủ lực và nhu cầu thị trường lao động. Quy hoạch hạ tầng giáo dục và đào tạo gắn với sắp xếp đơn vị hành chính, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, liên thông và bền vững.

3. Phương án phát triển hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe

Phát triển hạ tầng y tế theo hướng đồng bộ, hiện đại và phân tầng hợp lý. Ưu tiên hoàn thiện, nâng cấp hệ thống y tế tuyến tỉnh với vai trò trung tâm điều trị chuyên sâu, đồng thời xây dựng và mở rộng các bệnh viện, cơ sở y tế nhằm nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân. Khuyến khích xã hội hóa, thu hút đầu tư ngoài công lập vào các bệnh viện kỹ thuật cao, chuyên sâu, phục hồi chức năng và chăm sóc người cao tuổi. Quy hoạch hạ tầng y tế gắn với sắp xếp đơn vị hành chính, hợp nhất cơ sở y tế, nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng chăm sóc sức khỏe, góp phần bảo đảm an sinh xã hội bền vững.

4. Phương án phát triển hạ tầng thiết chế văn hóa, thể thao

a) Phát triển hạ tầng văn hóa theo hướng hiện đại, có bản sắc và gắn với không gian phát triển sau hợp nhất. Tổ chức hệ thống thiết chế văn hóa theo 03 cụm trọng điểm: Trung tâm văn hóa khu vực tại phường Bạc Liêu; trung tâm văn hóa cấp tỉnh tại phường An Xuyên - Tân Thành; trung tâm văn hóa - du lịch Mũi Cà Mau. Trọng tâm là bảo tồn, phát huy di sản, phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch sáng tạo và không gian văn hóa cộng đồng.

b) Phát triển hạ tầng thể dục, thể thao theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu rèn luyện, thi đấu và tổ chức sự kiện quy mô tỉnh và khu vực. Ưu tiên đầu tư các khu liên hợp thể dục thể thao, nhà thi đấu đa năng, trung tâm huấn luyện và các công trình thể thao đặc thù như thể thao dưới nước. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư, nâng cao thể chất, đời sống tinh thần và chất lượng nguồn nhân lực.

5. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội; cơ sở nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công

a) Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội; cơ sở nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công theo hướng lấy người dân làm trung tâm, bảo đảm an sinh xã hội bao phủ toàn dân. Tổ chức hệ thống cơ sở trợ giúp xã hội; cơ sở nuôi dưỡng

và điều dưỡng người có công theo mô hình đa chức năng, chuyên nghiệp, gắn với chuyển đổi số và liên thông dịch vụ chăm sóc, phục hồi chức năng và công tác xã hội. Ưu tiên đầu tư, nâng cấp các cơ sở nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công. Đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác công - tư trong cung ứng dịch vụ điều dưỡng và chăm sóc dài hạn.

b) Xây dựng các Trung tâm dưỡng lão tại một số khu vực, vị trí có đủ điều kiện về quỹ đất, hạ tầng xã hội khác, dự kiến bố trí ở các xã, phường như: Hiệp Thành, Giá Rai, An Xuyên, Tân Thành, Lý Văn Lâm, Phước Long, Năm Căn,...

VIII. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1. Sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất, đảm bảo nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với tiềm năng đất đai, nguồn lực đầu tư, lao động và hạ tầng kỹ thuật của tỉnh; phát huy hiệu quả các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; phù hợp với định hướng sử dụng đất trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và các quy hoạch khác có liên quan.

2. Điều chỉnh vị trí, diện tích các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và mở rộng khu kinh tế phù hợp với những lợi thế và cơ hội phát triển đột phá của tỉnh; các khu lấn biển tạo đột phá trong phát triển kinh tế biển gắn với cảng tổng hợp lưỡng dụng Hòn Khoai.

3. Nghiên cứu bổ sung các khu lấn biển tại các xã, phường như: Đất Mũi, Phan Ngọc Hiển, Gành Hào, Sông Đốc, Đá Bạc, Cái Đôi Vàm, phường Hiệp Thành và khu vực các cửa biển có nhu cầu, để ổn định lâu dài tuyến bờ biển, giảm thiểu sạt lở, gây bồi, tạo bãi, phục hồi và mở rộng diện tích rừng phòng hộ; tạo quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế biển (logistics, dịch vụ hậu cần nghề cá, công nghiệp chế biến, đô thị ven biển).

IX. PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN

1. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra

a) Phân vùng chức năng nguồn nước mặt

Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo thứ tự: (1) Nhu cầu nước cho sinh hoạt; (2) Nhu cầu nước cho công nghiệp; (3) Nhu cầu nước cho du lịch, dịch vụ; (4) Nhu cầu nước cho nông nghiệp; (5) Nhu cầu nước cho thủy sản; (6) Nhu cầu nước cho các lĩnh vực khác.

b) Bảo vệ tài nguyên nước

Phục hồi các nguồn nước, cảnh quan môi trường các dòng sông bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nghiêm trọng. Tăng cường bảo vệ tài nguyên nước, cải thiện

chất lượng các nguồn nước; phần đầu khoảng 80% nguồn nước đạt quy chuẩn chất lượng phù hợp với chức năng sử dụng. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải, nhất là từ khu, cụm công nghiệp và khu dân cư tập trung, với tỷ lệ kiểm soát đạt 90 - 100%. Bảo đảm 100% hoạt động khai thác, sử dụng nước và xả nước thải thuộc diện phải cấp phép được quản lý theo quy định; đồng thời, bảo vệ các nguồn sinh thủy, nguồn nước có giá trị sinh thái, văn hóa, du lịch và đa dạng sinh học.

c) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Tăng cường điều tra cơ bản, quan trắc - giám sát tài nguyên nước; kiểm soát chặt chẽ khai thác, sử dụng và xả thải vào nguồn nước; đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng hệ thống dữ liệu tài nguyên nước đồng bộ, kết nối liên thông giữa các cấp. Chủ động điều tiết, phân bổ nguồn nước, hạn chế khai thác nước dưới đất, thích ứng với hạn hán, xâm nhập mặn và biến đổi khí hậu.

Kiểm soát nghiêm các nguồn thải, bảo vệ hành lang nguồn nước, miền cấp nước dưới đất và các nguồn nước phục vụ sinh hoạt; ưu tiên đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại đô thị, khu dân cư tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Kết hợp giải pháp công trình và phi công trình nhằm phòng, chống sạt lở, ngập lụt, sụt lún đất; phục hồi các dòng sông, nguồn sinh thủy và bảo đảm an ninh nguồn nước lâu dài.

Khuyến khích áp dụng công nghệ tiết kiệm nước, tái sử dụng và tuần hoàn nước; nâng cao hiệu quả khai thác các công trình thủy lợi, cấp nước. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước; huy động sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp và xã hội hóa nguồn lực trong bảo vệ, phục hồi và sử dụng bền vững tài nguyên nước.

2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, khoáng sản

Khoanh vùng quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác. Rà soát các khu vực khoáng sản, nếu đủ điều kiện cấp phép thăm dò, khai thác thì bổ sung vào phương án thăm dò, khai thác khoáng sản khi có nhu cầu và phù hợp với quy định pháp luật. Tiếp tục thăm dò các điểm khoáng sản có triển vọng thuộc khu vực công bố khoáng sản của cấp có thẩm quyền.

X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường

a) Về phân vùng môi trường

Phân vùng môi trường theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác để làm cơ sở cho triển khai các giải pháp về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt gồm 05 vùng: (i) Khu dân cư tập trung ở đô thị

bao gồm Khu dân cư tập trung ở các đô thị từ loại III trở lên trên địa bàn tỉnh; (ii) Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước: Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các nhà máy nước, công trình nước sạch trên địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật về tài nguyên nước; (iii) Khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản: Vườn quốc gia U Minh Hạ, Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau, Khu dự trữ sinh quyển thế giới Mũi Cà Mau và các khu bảo tồn thiên nhiên trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản; (iv) Khu vực bảo vệ của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa nằm trên địa bàn tỉnh; (v) Các vùng bảo vệ nghiêm ngặt khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Vùng hạn chế phát thải gồm 04 vùng: (i) Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt theo quy định (phân khu dịch vụ - hành chính, vùng đệm của các khu bảo tồn thiên nhiên, Khu vực bảo vệ 2 của các di tích lịch sử, văn hóa, các vùng đệm khác theo quy định pháp luật); (ii) Vùng đất ngập nước quan trọng trên địa bàn tỉnh đã được xác định theo quy định của pháp luật; (iii) Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; (iv) Các vùng hạn chế phát thải khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Vùng môi trường khác: Ngoài các vùng nêu trên.

b) Phương án phát triển mạng lưới quan trắc môi trường

Phát triển mạng lưới quan trắc môi trường đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm bao phủ các thành phần môi trường chủ yếu gồm nước mặt, nước dưới đất, nước biển, không khí, đất, trầm tích và đa dạng sinh học; ưu tiên bố trí tại khu vực đô thị, khu kinh tế, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vùng sản xuất tập trung, hồ chứa và các khu vực nhạy cảm về môi trường. Mạng lưới quan trắc được rà soát, điều chỉnh linh hoạt theo yêu cầu quản lý môi trường và quy định pháp luật từng giai đoạn; từng bước tăng cường quan trắc tự động, liên tục, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ giám sát, cảnh báo sớm và công tác chỉ đạo, điều hành bảo vệ môi trường của tỉnh.

2. Phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Tiếp tục thực hiện công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học các vườn quốc gia đã được thành lập và đang hoạt động trên địa bàn tỉnh. Tăng cường quản lý, bảo vệ các loài nguy cấp, quý, hiếm và các hệ sinh thái tự nhiên trọng yếu; kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, nuôi trồng, ngăn ngừa sinh vật ngoại lai xâm hại. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, thu thập và bảo tồn nguồn gen; ứng dụng công nghệ thông tin trong điều tra, giám sát và quản lý đa dạng sinh học, gắn với thích ứng biến đổi khí hậu. Chú trọng bảo tồn rừng, hệ sinh thái biển, trồng rừng ngập mặn, kè biển chắn sóng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Kiến toàn tổ chức, nâng cao năng lực quản lý nhà nước; tăng cường đào tạo, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng; huy động đa dạng nguồn lực cho bảo tồn. Kết hợp hài hòa giữa bảo tồn đa dạng sinh học với phát triển du lịch sinh thái, sinh kế bền vững cho người dân vùng đệm, thúc đẩy xã hội hóa trong bảo vệ và phát triển rừng.

b) Bảo vệ và phát triển bền vững diện tích các hệ sinh thái rừng tự nhiên, bao gồm hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái rừng ngập nước, hệ sinh thái rừng trên đất than bùn. Bảo vệ và giữ vững diện tích rừng phòng hộ ven biển, các vườn chim trên địa bàn tỉnh.

3. Phương án phát triển thị trường carbon

Đến năm 2030, tỉnh Cà Mau phấn đấu tham gia đầy đủ và hiệu quả vào thị trường carbon trong nước, đưa tín chỉ carbon trở thành một loại tài sản môi trường hợp pháp, có đóng góp thiết thực cho tăng trưởng GRDP, hỗ trợ công tác bảo vệ và phát triển rừng, cũng như nâng cao sinh kế bền vững cho cộng đồng địa phương. Đến năm 2050, hệ thống quản trị và cơ sở dữ liệu carbon của tỉnh sẽ được tích hợp sâu vào thị trường carbon quốc gia góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0” của Việt Nam, đồng thời khẳng định vai trò của Cà Mau là địa phương tiên phong trong khai thác hiệu quả giá trị kinh tế - sinh thái của rừng ngập mặn và carbon xanh ven biển.

XI. PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu

a) Xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro. Các phương án được xây dựng theo nhiều kịch bản, dựa trên lịch sử thiên tai và yếu tố bất thường, xác định rõ khu vực và đối tượng dễ bị tổn thương; phân công nhiệm vụ cụ thể theo phương châm “4 tại chỗ”, “3 sẵn sàng”, bảo đảm chủ động nguồn lực và khả năng triển khai hiệu quả.

b) Nâng cao năng lực quản lý, giám sát và dự báo biến đổi khí hậu, trọng tâm là hoàn thiện mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu theo quy hoạch quốc gia; đầu tư các trạm quan trắc hiện đại (khí tượng, thủy văn, hải văn, đo mặn), tăng mật độ và phân bố hợp lý theo vùng sinh thái. Thường xuyên đánh giá khí hậu, cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng; tăng cường cung cấp, chia sẻ thông tin dự báo, cảnh báo sớm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống thiên tai.

c) Bố trí ổn định dân cư đảm bảo phù hợp với quy hoạch các cấp theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng và các quy hoạch có liên quan, đáp ứng yêu cầu về đất ở, đất sản xuất, nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt, các công trình hạ tầng thiết yếu, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với phong tục tập quán của người dân và phát triển bền vững.

2. Phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai

a) Hạ tầng đê biển: Tập trung đầu tư, nâng cấp đồng bộ hệ thống đê biển Đông và đê biển Tây nhằm bảo vệ không gian phát triển ven biển. Hoàn thiện nâng cấp đê biển Đông đoạn từ ranh Cần Thơ đến Gành Hào; giai đoạn tiếp theo xây mới tuyến đê Đông từ Gành Hào đến Bảy Háp. Nâng cấp hoàn chỉnh đê biển Tây; sau khi hoàn thành tuyến đê biển Đông và hệ thống cống dưới đê, từng bước nâng cấp tuyến đê từ phường Hiệp Thành đến Kênh 5 lên cấp I.

b) Hạ tầng đê sông, đê bao: Phát triển hệ thống đê sông gắn với bờ bao các ô bao sản xuất, bảo đảm yêu cầu chống tràn theo cấp công trình, phù hợp điều kiện thủy văn từng khu vực. Ưu tiên đầu tư các tuyến đê, đê bao quan trọng phục vụ ổn định sản xuất, dân sinh; các hạng mục còn lại được bố trí đầu tư sau năm 2030 theo danh mục quy hoạch.

c) Hạ tầng phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển: Triển khai đồng bộ giải pháp phi công trình và công trình: Nâng cao nhận thức cộng đồng; xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu và phân vùng nguy cơ sạt lở; tăng cường quản lý hoạt động ven sông, ven biển; hiện đại hóa quan trắc, dự báo và cảnh báo sớm. Ưu tiên xử lý các điểm sạt lở đặc biệt nguy hiểm, khu dân cư và hạ tầng trọng yếu; áp dụng giải pháp công trình phù hợp điều kiện nền đất yếu, kết hợp hài hòa giữa công trình cứng, công trình mềm và giải pháp sinh thái, gắn với nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

d) Hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão: Trong hệ thống cảng/bến thủy nội địa có cảng cá Gành Hào, cảng cá Sông Đốc, cảng cá Rạch Gốc, cảng cá Cái Đôi Vàm, cảng cá Hố Gui phục vụ hoạt động nghề cá. Quy hoạch bổ sung/khai thác khu neo đậu tránh trú bão tại các cụm cửa sông - ven biển trọng yếu (Năm Căn, Hòn Khoai, Ông Đốc, Gành Hào, Vĩnh Hậu, Rạch Gốc, Cái Đôi Vàm, Khánh Hội, Nhà Mát, Cái Cù, Bờ Đề, Hố Gui, Rạch Tàu, Đá Bạc,...) để tăng an toàn và năng lực hậu cần biển.

XII. GIẢI PHÁP VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

a) Tập trung nguồn vốn đầu tư công cho các nhóm công trình, dự án trọng điểm có tính chất dẫn dắt và lan tỏa, ưu tiên phát triển hệ thống hạ tầng giao thông kết nối liên vùng và nội tỉnh, nhất là các tuyến trục động lực, tuyến ven biển, ven sông, các tuyến kết nối Khu kinh tế Năm Căn, Cụm đảo Hòn Khoai với mạng lưới giao thông quốc gia và vùng Đồng bằng sông Cửu Long; hạ tầng cảng biển, logistics, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hạ tầng thủy lợi, phòng chống ngập úng, sạt lở bờ sông, bờ biển và thích ứng với biến đổi khí hậu; đồng thời, đầu tư đồng bộ hạ tầng năng lượng, truyền tải điện, cấp, thoát nước, hạ tầng thông tin, hạ tầng số và hạ tầng xã hội thiết yếu. Chủ động phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương liên quan để tranh thủ tối đa nguồn lực hỗ trợ, bảo đảm các dự án trọng điểm được triển khai đúng tiến độ, chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững.

b) Đẩy mạnh huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách, đặc biệt là vốn khu vực tư nhân, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các hình thức hợp tác công - tư (PPP), tập trung vào các lĩnh vực có lợi thế và khả năng thu hút đầu tư của tỉnh như: Hạ tầng giao thông chiến lược, trung tâm logistics, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, du lịch sinh thái và du lịch biển đảo. Ưu tiên thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp lớn có năng lực tài chính mạnh, tầm nhìn đầu tư dài hạn.

c) Chủ động tìm kiếm, lựa chọn và thu hút nhà đầu tư chiến lược có tiềm lực về tài chính, công nghệ và quản trị để đầu tư vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên của tỉnh; từng bước hình thành cơ chế hỗ trợ đầu tư theo hướng đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian chuẩn bị và phê duyệt dự án, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước. Đồng thời, tạo lập môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng; tăng cường đối thoại, đồng hành cùng doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án và hoạt động sản xuất, kinh doanh, qua đó nâng cao khả năng hấp thụ vốn đầu tư và hiệu quả sử dụng nguồn lực.

2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

a) Tập trung phát triển nguồn nhân lực cho các ngành, lĩnh vực động lực và chủ lực của tỉnh gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, trọng tâm là kinh tế biển, năng lượng tái tạo, logistics - dịch vụ cảng biển, chế biến thủy sản, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch sinh thái - biển đảo, công nghệ thông tin và chuyển đổi số; đẩy mạnh đào tạo lao động kỹ thuật, lao động tay nghề cao và nhân lực quản lý, đáp ứng yêu cầu phát triển các dự án lớn, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và dịch vụ hiện đại.

b) Thu hút và khuyến khích các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học và giáo dục nghề nghiệp đầu tư, mở rộng hoạt động; tăng cường liên kết cơ sở đào tạo - doanh nghiệp trong đào tạo, thực tập, tuyển dụng; nâng cao hiệu quả phân luồng, định hướng nghề nghiệp sau trung học phù hợp với các mũi nhọn kinh tế và không gian phát triển của tỉnh.

c) Đầu tư nâng cao chất lượng các cơ sở giáo dục - đào tạo hiện có, gắn đào tạo với nhu cầu nhân lực của các dự án trọng điểm; đẩy mạnh đào tạo lại, nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động, nhất là trong lĩnh vực thủy hải sản, nông nghiệp, dịch vụ và công nghiệp chế biến, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và nâng cao năng suất. Đồng thời, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu quản trị hiện đại.

d) Thực hiện đồng bộ các chính sách thu hút, sử dụng và đãi ngộ nhân lực chất lượng cao; tạo điều kiện về môi trường làm việc, nhà ở và hạ tầng xã hội để người lao động gắn bó lâu dài; khuyến khích người cao tuổi có kinh nghiệm tham gia hoạt động kinh tế - xã hội, phát triển “kinh tế bạc” góp phần phát triển bền vững.

3. Giải pháp về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Đẩy mạnh xây dựng chính quyền số gắn với cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong điều hành, giám sát, đánh giá và ra quyết định dựa trên dữ liệu, hướng tới mô hình quản trị hiện đại, minh bạch, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Đẩy nhanh số hóa hồ sơ, thủ tục hành chính; mở rộng dịch vụ công trực tuyến toàn trình; ứng dụng nền tảng số trong quản lý quy hoạch, đất đai, đầu tư, tài nguyên, môi trường và xây dựng.

b) Phát triển đồng bộ hạ tầng số, nền tảng số và dữ liệu số, ưu tiên xây dựng và kết nối các cơ sở dữ liệu dùng chung, thúc đẩy chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các cấp, các ngành; từng bước hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

c) Ưu tiên thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực động lực của tỉnh như: Kinh tế biển, năng lượng tái tạo, chế biến thủy sản, nông nghiệp công nghệ cao, logistics, du lịch sinh thái và bảo vệ môi trường; khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, áp dụng giải pháp số, công nghệ xanh và sản xuất thông minh nhằm nâng cao năng suất và sức cạnh tranh.

d) Sử dụng hiệu quả nguồn lực ngân sách cho khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đồng thời đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội thông qua hợp tác công - tư, liên kết viện - trường - doanh nghiệp, phát triển các quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và tăng cường hợp tác quốc tế.

đ) Song song với đó, chú trọng xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh truyền thông khoa học - công nghệ, nâng cao nhận thức của cán bộ, doanh nghiệp và người dân về vai trò của khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển nhanh, bền vững.

4. Giải pháp về môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu

a) Thường xuyên rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm phù hợp với điều kiện tự nhiên, sinh thái và đặc thù của tỉnh Cà Mau - địa phương chịu tác động mạnh của nước biển dâng, xâm nhập mặn và sạt lở bờ biển - bờ sông; các chính sách được xây dựng đồng bộ, khả thi, có trọng tâm và gắn trách nhiệm rõ ràng trong tổ chức thực hiện.

b) Lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu ngay từ khâu xây dựng chính sách, xúc tiến đầu tư và lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển; áp dụng tiêu chí môi trường, tiêu chuẩn xanh trong lựa chọn dự án, ưu tiên công nghệ sạch, tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải, đặc biệt đối với các dự án năng lượng, công nghiệp, hạ tầng, du lịch và đô thị.

c) Thực hiện nghiêm các quy định về đánh giá tác động môi trường, cấp phép môi trường và giám sát sau cấp phép; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm, bảo đảm thủ tục môi trường là điều kiện bắt buộc trước khi cấp phép đầu tư, xây dựng.

d) Đồng thời, triển khai các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu gắn với bảo vệ, phục hồi hệ sinh thái, nhất là rừng ngập mặn và vùng ven biển - ven sông; đầu tư công trình phòng chống sạt lở, ngập úng, xâm nhập mặn, bảo đảm sinh kế bền vững. Khuyến khích kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải, nâng cao nhận thức và phát huy vai trò của cộng đồng, doanh nghiệp và người dân.

5. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

a) Hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách liên kết phát triển vùng và liên tỉnh, xác định rõ vai trò của Cà Mau trong không gian phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long và kết nối với các trung tâm kinh tế lớn của cả nước. Tăng cường hợp tác trong vùng để hình thành chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ và các cụm liên kết ngành trong các lĩnh vực có lợi thế như kinh tế biển, chế biến thủy sản, nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, logistics và du lịch sinh thái; từng bước phát triển các hành lang kinh tế gắn với hệ thống giao thông, cảng biển và hạ tầng logistics liên vùng.

b) Đẩy mạnh hợp tác với Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng Đông Nam Bộ trong phát triển hạ tầng giao thông chiến lược, logistics, cảng biển, chế biến sâu và tiêu thụ nông - thủy sản; tăng cường phối hợp thu hút đầu tư, phát triển chuỗi cung ứng, chia sẻ thông tin thị trường và kết nối doanh nghiệp, giúp sản phẩm chủ lực của tỉnh tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị quốc gia và khu vực.

c) Tăng cường liên kết nội vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nhất là trong nông nghiệp bền vững, quản lý tài nguyên nước, thích ứng biến đổi khí hậu và bảo vệ hệ sinh thái; chú trọng liên kết theo tiểu vùng ven biển và bán đảo Cà Mau, nâng cấp chuỗi giá trị và xây dựng thương hiệu sản phẩm đặc trưng.

d) Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, nhất là với các đối tác ASEAN, trong các lĩnh vực kinh tế biển, năng lượng tái tạo, logistics, môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu; tăng cường xúc tiến thương mại, đầu tư, du lịch, bảo đảm quốc phòng - an ninh, từng bước khai thác hiệu quả các tuyến giao thương và kết nối thị trường quốc tế qua hệ thống cảng biển, nâng cao vị thế tỉnh Cà Mau trong mạng lưới liên kết khu vực và quốc tế.

6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

a) Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách quản lý phát triển đô thị và nông thôn theo mô hình đa trung tâm, thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó phát triển đô thị Cà Mau giữ vai trò trung tâm, động lực lan tỏa; đồng thời hình thành mạng lưới đô thị ven biển, đô thị cửa ngõ và đô thị vệ tinh gắn với trục giao thông, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và không gian

kinh tế biển. Phát triển đô thị theo hướng xanh, thông minh, sinh thái, phù hợp điều kiện nền đất yếu, ngập lụt và nước biển dâng.

b) Sử dụng hiệu quả các công cụ quy hoạch để kiểm soát chặt chẽ đô thị hóa, hạn chế phát triển dân trái, gia tăng dân số cơ học; bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch, gắn phát triển đô thị với bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái và an toàn trước rủi ro thiên tai.

c) Quản lý chặt chẽ phát triển nhà ở, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, ưu tiên nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân; kiểm soát sử dụng đất và thị trường bất động sản theo hướng minh bạch, lành mạnh, nâng cao chất lượng sống của người dân.

d) Song song với đó, phát triển nông thôn bền vững, gắn xây dựng nông thôn mới với tái cơ cấu nông nghiệp và chuyển dịch lao động; thúc đẩy mô hình đô thị - nông thôn hài hòa, bảo tồn không gian sinh thái, văn hóa; tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý đô thị, nông thôn.

7. Giải pháp về nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý hành chính nhà nước

a) Tiếp tục hoàn thiện tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý hành chính nhà nước theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; tổ chức hoạt động theo phương châm “phục vụ - đồng hành - kiến tạo”, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, gắn cải cách hành chính với chuyển đổi số và nâng cao chất lượng dịch vụ công. Phấn đấu duy trì và nâng cao thứ hạng các chỉ số PCI, PAR Index, PAPI, SIPAS, qua đó cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, thuận lợi.

b) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm giữa các cấp, các ngành; khắc phục chồng chéo, trùng lặp trong quản lý nhà nước. Chuẩn hóa, liên thông quy trình giải quyết thủ tục hành chính, nhất là trong các lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, tài nguyên - môi trường, rút ngắn thời gian xử lý, giảm chi phí tuân thủ; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm giải trình và phối hợp liên ngành.

c) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo hướng chuyên nghiệp, liêm chính, có năng lực quản trị hiện đại; tăng cường đào tạo kỹ năng chuyên môn, kỹ năng số và phối hợp. Từng bước áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (KPI) gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm cá nhân; thực hiện khen thưởng - kỷ luật minh bạch, tạo động lực làm việc và nâng cao đạo đức công vụ, góp phần xây dựng nền hành chính tỉnh Cà Mau hiện đại, hiệu quả.

8. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát quy hoạch

Công bố công khai Quy hoạch tỉnh bằng nhiều hình thức, bảo đảm người

dân, doanh nghiệp dễ tiếp cận; huy động sự tham gia giám sát, phản biện xã hội trong quá trình thực hiện. Cụ thể hóa quy hoạch bằng Chương trình hành động và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xác định rõ nhiệm vụ, dự án ưu tiên, lộ trình và nguồn lực, bảo đảm đồng bộ giữa các cấp, các ngành. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch, gắn trách nhiệm người đứng đầu và xử lý kịp thời các vi phạm. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong theo dõi, giám sát, xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch dùng chung. Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, tăng cường phối hợp liên ngành và phát huy vai trò của doanh nghiệp trong triển khai quy hoạch./.